



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2020



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Các văn bản thành lập</b>	Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.  Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017.	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Quang Dũng  Ông Trịnh Quang Vinh Ông Vũ Hồng Khánh Ông Phan Phương Anh Ông Trần Vũ Nam	Chủ tịch ( <i>từ ngày 5/7/2020</i> ) Ủy viên ( <i>đến ngày 4/7/2020</i> ) Chủ tịch ( <i>đến ngày 5/7/2020</i> ) Ủy viên Ủy viên Ủy viên
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Kiều Văn Chiến Bà Lê Thị Hải Ông Doãn Duy Đạo	Trưởng ban Thành viên Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Vũ Hồng Khánh Ông Phạm Thanh Sơn Ông Nguyễn Khắc Trí Ông Nguyễn Hữu Quang Ông Nguyễn Đăng Công	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
<b>Trụ sở đăng ký</b>	Tầng 20, Tòa nhà Mipex Tower Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa Hà Nội, Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *[Signature]*

Vũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2020





KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-02-00229-20-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0557-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 26-08-2020

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3065-2019-007-1



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.053.501.311.019</b>	<b>1.317.906.510.868</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>51.610.144.503</b>	<b>42.445.765.155</b>
Tiền	111		51.610.144.503	42.445.765.155
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>554.700.000.000</b>	<b>714.880.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	(1.710.000.000)	(1.030.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	553.800.000.000	713.300.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>298.774.350.559</b>	<b>356.454.614.433</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	276.476.451.187	330.638.024.953
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.070.678.611	11.430.308.496
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	21.876.322.002	21.300.518.908
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(6.696.987.901)	(6.914.237.924)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		47.886.660	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>13</b>	<b>113.720.766.940</b>	<b>167.872.451.164</b>
Hàng tồn kho	141		113.720.766.940	167.872.451.164
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>34.696.049.017</b>	<b>36.253.680.116</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.375.082.885	3.106.614.234
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.185.123.037	32.154.745.787
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	135.843.095	992.320.095

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>645.834.707.500</b>	<b>670.755.988.466</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>500.526.408</b>	<b>558.574.040</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	10	391.977.000	450.024.632
Phải thu dài hạn khác	216		108.549.408	108.549.408
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>364.569.322.730</b>	<b>366.595.476.168</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	312.241.460.849	315.034.496.387
Nguyên giá	222		878.520.909.147	854.895.031.645
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(566.279.448.298)	(539.860.535.258)
Tài sản cố định vô hình	227	15	52.327.861.881	51.560.979.781
Nguyên giá	228		65.341.999.184	64.512.605.592
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.014.137.303)	(12.951.625.811)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>16</b>	<b>6.917.401.211</b>	<b>7.008.697.877</b>
Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.125.764.054)	(2.034.467.388)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.317.916.999</b>	<b>13.891.863.931</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	3.317.916.999	13.891.863.931
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>270.529.540.152</b>	<b>282.701.376.450</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	265.452.849.101	277.572.543.312
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	5.076.691.051	5.128.833.138
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.699.336.018.519</b>	<b>1.988.662.499.334</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>912.807.719.393</b>	<b>1.124.030.843.106</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>808.390.686.389</b>	<b>1.004.990.898.956</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	140.402.510.775	246.017.487.236
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.463.676.324	6.519.367.384
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	13.477.662.560	15.234.212.987
Phải trả người lao động	314		28.702.400.509	45.729.466.125
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	18.535.687.906	15.642.722.191
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		494.976.600	164.215.598
Phải trả ngắn hạn khác	319	23(a)	25.551.282.552	14.998.888.989
Vay ngắn hạn	320	24	569.743.538.714	647.242.964.617
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	7.247.891.651
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	4.018.950.449	6.193.682.178
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>104.417.033.004</b>	<b>119.039.944.150</b>
Phải trả dài hạn khác	337	23(b)	104.417.033.004	119.039.944.150
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>786.528.299.126</b>	<b>864.631.656.228</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>786.528.299.126</b>	<b>864.631.656.228</b>
Vốn cổ phần	411	27	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	27	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	118.197.604.300	103.453.253.749
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.493.474.427	148.668.463.452
- (Lỗ lũy kế)/LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(334.369.771)	1.049.910.735
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		53.827.844.198	147.618.552.717
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.460.540.399	9.133.259.027
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.699.336.018.519</b>	<b>1.988.662.499.334</b>

Ngày 24 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Phan Quang Thành  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi  
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>31</b>	<b>1.362.529.614.833</b>	<b>1.596.031.618.497</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>31</b>	<b>25.059.208.006</b>	<b>17.522.803.857</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>31</b>	<b>1.337.470.406.827</b>	<b>1.578.508.814.640</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>32</b>	<b>1.056.837.132.676</b>	<b>1.258.918.799.350</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>280.633.274.151</b>	<b>319.590.015.290</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	25.469.506.393	23.564.530.716
Chi phí tài chính	22	34	21.148.729.229	22.898.112.691
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>18.862.490.234</i>	<i>22.192.871.726</i>
Chi phí bán hàng	25	35	159.671.253.319	166.383.141.634
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	53.715.714.319	56.851.551.419
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>71.567.083.677</b>	<b>97.021.740.262</b>
Thu nhập khác	31		1.127.256.653	750.850.638
Chi phí khác	32		148.627.690	253.477.664
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>978.628.963</b>	<b>497.372.974</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>72.545.712.640</b>	<b>97.519.113.236</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>38</b>	<b>14.699.888.023</b>	<b>19.364.677.440</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>38</b>	<b>52.142.087</b>	<b>265.891.289</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b> (mang sang trang sau)	<b>60</b>		<b>57.793.682.530</b>	<b>77.888.544.507</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		57.793.682.530	77.888.544.507
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		53.827.844.198	73.994.608.410
Cổ đông không kiểm soát	62		3.965.838.332	3.893.936.097
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	780	1.226

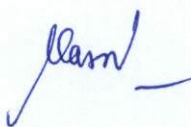
Ngày 24 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Phan Quang Thành  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi  
Kế toán trưởng




Vũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>72.545.712.640</b>	<b>97.519.113.236</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	28.670.372.069	29.594.221.075
Các khoản dự phòng	03	(6.785.141.674)	2.520.625.475
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(50.197.905)	(262.915.386)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(23.928.321.335)	(22.070.425.790)
Chi phí lãi vay	06	18.862.490.234	22.192.871.726
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>89.314.914.029</b>	<b>129.493.490.336</b>
Biến động các khoản phải thu	09	59.460.045.551	(25.894.437.751)
Biến động hàng tồn kho	10	54.507.870.495	18.874.241.060
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(117.514.799.302)	(30.178.890.218)
Biến động chi phí trả trước	12	10.283.275.904	15.803.311.058
		<b>96.051.306.677</b>	<b>108.097.714.485</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(18.974.089.745)	(22.537.351.269)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.920.742.196)	(17.305.808.660)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(16.075.901.629)	(10.932.912.871)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>45.080.573.107</b>	<b>57.321.641.685</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(16.744.316.635)	(5.050.458.463)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	148.606.918	96.493.637
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(596.200.000.000)	(769.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	755.700.000.000	779.300.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	25.339.958.138	24.392.004.549
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>168.244.248.421</b>	<b>29.738.039.723</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	1.002.824.905.850	1.233.470.546.392
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.080.324.331.753)	(1.195.221.756.488)
Tiền trả cổ tức	36	(126.660.951.605)	(125.565.162.383)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(204.160.377.508)</b>	<b>(87.316.372.479)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>9.164.444.020</b>	<b>(256.691.071)</b>
<b>Tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>42.445.765.155</b>	<b>54.075.074.424</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(64.672)</b>	<b>125.935</b>
<b>Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)</b>	<b>70</b>	<b>51.610.144.503</b>	<b>53.818.509.288</b>

Ngày 24 tháng 8 năm 2020

Người lập:

Phan Quang Thành  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đỗ Thị Vân Chi  
Kế toán trưởngVũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCĐN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vò bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vò bình gas.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Sự bùng phát của Virus Corona (Covid-19) từ đầu năm 2020 có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế của Việt Nam cũng như nền kinh tế toàn cầu, trong đó Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới thực hiện các biện pháp kiểm soát dịch bệnh như giãn cách xã hội, đóng cửa biên giới, hạn chế các hoạt động đông người... Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, các biện pháp này ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng, lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Tổng Công ty và các công ty con.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2020: 6 công ty con) như sau:

		<b>30/6/2020 và 1/1/2020</b>	<b>% sở hữu</b>
	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>và % quyền biểu quyết</b>
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Kinh doanh gas hóa lỏng	Thành phố Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Đà Nẵng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Kinh doanh gas hóa lỏng	Cần Thơ	100%
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas	Thành phố Hồ Chí Minh	51%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty và các công ty con có 1.057 nhân viên (1/1/2020: 1.065 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con về khả năng có thể thu hồi của các khoản phải thu.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30 năm
▪ máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 - 10 năm
▪ dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
▪ tài sản khác	3 - 5 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm. Khấu hao không được tính cho các lô đất mà Tổng Công ty và các công ty con có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Bất động sản đầu tư**

***Bất động sản đầu tư cho thuê***

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

*Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 50 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc 48 năm

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang không được tính trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) *Vỏ bình gas***

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được. Theo đó, vỏ bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**(iii) Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí đền bù đất phát sinh liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê cho các hoạt động sản xuất và gia công, công cụ dụng cụ, bảo hiểm cháy nổ và các chi phí trả trước khác.

Chi phí đền bù đất được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê đất là 45 năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí bảo hiểm cháy nổ và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm tùy theo hợp đồng bảo hiểm.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**(n) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá mua trừ chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(o) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(p) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(q) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas**

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

**(v) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(vi) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(s) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**(t) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho kỳ sáu tháng chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(u) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh gas hóa lỏng và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

**(v) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

**6. Các khoản mục bất thường**

Ngoại trừ vấn đề liên quan đến đại dịch Covid-19 được trình bày ở Thuyết minh 1(d), Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty**

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	3.167.282.069	3.079.829.343
Tiền gửi ngân hàng	48.421.103.529	39.365.935.812
Tiền đang chuyển	21.758.905	-
	51.610.144.503	42.445.765.155

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số lượng	Giá gốc VND	30/6/2020 Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
<i>Cổ phiếu</i> Tổng Công ty Cổ phần Đệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	900.000.000	(1.710.000.000)
			1/1/2020	
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
<i>Cổ phiếu</i> Tổng Công ty Cổ phần Đệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	1.580.000.000	(1.030.000.000)

(\*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty này được xác định bằng cách tham chiếu giá bình quân của các cổ phiếu của công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) trong vòng 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2020 Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (**) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	553.800.000.000	553.800.000.000



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>1/1/2020</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý (**) VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	713.300.000.000	713.300.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty có các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 12 tháng tại các ngân hàng, được hưởng lãi suất 6,8% một năm (1/1/2020: từ 6,5% đến 6,8% một năm).

(\*\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

## **10. Phải thu của khách hàng**

### **(a) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Ngắn hạn	276.476.451.187	330.638.024.953
Dài hạn	391.977.000	450.024.632
	276.868.428.187	331.088.049.585

### **(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	50.418.027.612	74.542.633.719

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

## **11. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Lãi tiền gửi	10.997.705.667	12.541.890.555
Phải thu người lao động	7.147.443.034	3.919.788.104
Phải thu ngắn hạn khác	3.731.173.301	4.838.840.249
	21.876.322.002	21.300.518.908



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2020			1/1/2020				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty TNHH ITG – Phong Phú	Trên 5 năm	2.467.346.164	(2.467.346.164)	-	Trên 5 năm	2.467.346.164	(2.467.346.164)	-
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng KJ	Trên 5 năm	1.751.495.029	(1.751.495.029)	-	Trên 5 năm	1.751.495.029	(1.751.495.029)	-
Công ty TNHH Sản xuất Xích chuyên dụng Việt Nam	Trên 5 năm	1.242.815.533	(1.242.815.533)	-	Trên 5 năm	1.242.815.533	(1.242.815.533)	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng đến 1 năm	888.952.790	(266.685.837)	622.266.953	Từ 6 tháng đến 1 năm	653.780.324	(196.134.097)	457.646.227
Các khách hàng khác	Từ 1 năm đến 2 năm	154.941.262	(77.470.631)	77.470.631	Từ 1 năm đến 2 năm	204.616.313	(105.024.373)	99.591.940
Các khách hàng khác	Từ 2 năm đến 3 năm	443.450.397	(310.415.278)	133.035.119	Từ 2 năm đến 3 năm	321.604.397	(225.123.078)	96.481.319
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	580.759.429	(580.759.429)	-	Trên 3 năm	926.299.650	(926.299.650)	-
		<b>7.529.760.604</b>	<b>(6.696.987.901)</b>	<b>832.772.703</b>		<b>7.567.957.410</b>	<b>(6.914.237.924)</b>	<b>653.719.486</b>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu  
khó đòi – ngắn hạn

(6.914.237.924)



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Hàng tồn kho**

	Giá gốc	
	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	45.154.386.822
Nguyên vật liệu	21.758.714.486	46.525.527.935
Công cụ và dụng cụ	24.004.631.958	106.596.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.952.013.702	4.229.234.654
Thành phẩm	1.683.540.585	181.250.497
Hàng hóa	62.321.866.209	71.675.455.256
	<hr/>	<hr/>
	113.720.766.940	167.872.451.164



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTPC**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	394.775.597.937	337.085.235.489	106.293.717.554	12.919.713.404	3.820.767.261	854.895.031.645
Tăng trong kỳ	965.143.545	1.020.000.000	3.589.322.200	118.828.182	321.279.000	6.014.572.927
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 17)	11.148.126.184 (42.634.076)	1.946.866.374 -	5.387.103.547 (391.157.454)	- -	- -	18.482.096.105 (433.791.530)
Xóa sổ	-	-	(437.000.000)	-	-	(437.000.000)
Số dư cuối kỳ	406.846.233.590	340.052.101.863	114.441.985.847	13.038.541.586	4.142.046.261	878.520.909.147
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	223.143.661.934	234.229.340.498	68.163.037.731	10.784.369.599	3.540.125.496	539.860.535.258
Khấu hao trong kỳ	8.936.324.173	13.481.641.850	4.430.047.458	357.111.630	68.520.626	27.273.645.737
Thanh lý	(26.575.243)	-	(391.157.454)	-	-	(417.732.697)
Xóa sổ	-	-	(437.000.000)	-	-	(437.000.000)
Số dư cuối kỳ	232.053.410.864	247.710.982.348	71.764.927.735	11.141.481.229	3.608.646.122	566.279.448.298
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	171.631.936.003	102.855.894.991	38.130.679.823	2.135.343.805	280.641.765	315.034.496.387
Số dư cuối kỳ	174.792.822.726	92.341.119.515	42.677.058.112	1.897.060.357	533.400.139	312.241.460.849



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản cố nguyên giá 166.783 triệu VND (1/1/2020: 132.060 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 6.190 triệu VND (1/1/2020: 7.165 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của một công ty con của Tổng Công ty (Thuyết minh 24).

**15. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	53.921.029.956	10.591.575.636	64.512.605.592
Tăng trong kỳ	829.393.592	-	829.393.592
Số dư cuối kỳ	54.750.423.548	10.591.575.636	65.341.999.184
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	2.403.809.978	10.547.815.833	12.951.625.811
Khấu hao trong kỳ	57.511.494	4.999.998	62.511.492
Số dư cuối kỳ	2.461.321.472	10.552.815.831	13.014.137.303
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	51.517.219.978	43.759.803	51.560.979.781
Số dư cuối kỳ	52.289.102.076	38.759.805	52.327.861.881

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản cố nguyên giá 10.552 triệu VND (1/1/2020: 10.552 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Bất động sản đầu tư**

**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	1.507.350.001	527.117.387	2.034.467.388
Khấu hao trong kỳ	69.570.000	21.726.666	91.296.666
Số dư cuối kỳ	1.576.920.001	548.844.053	2.125.764.054
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	5.450.055.469	1.558.642.408	7.008.697.877
Số dư cuối kỳ	5.380.485.469	1.536.915.742	6.917.401.211

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ Số 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	13.891.863.931	1.899.285.450
Tăng trong kỳ	8.264.335.444	3.636.452.416
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(18.482.096.105)	(3.105.304.773)
Chuyển sang hàng tồn kho	(356.186.271)	(428.879.021)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.317.916.999</b>	<b>2.001.554.072</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Công trình Văn phòng Cần Thơ	1.329.604.637	10.300.912.379
Công trình cải tạo Chi nhánh Phú Thọ	1.227.145.954	1.227.145.954
Trạm chiết nạp Suối Sầu Nha Trang	-	999.913.800
Khác	761.166.408	1.363.891.798
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.317.916.999</b>	<b>13.891.863.931</b>

**18. Chi phí trả trước dài hạn**

	Vỏ bình gas VND	Chi phí đất trả trước VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	233.941.433.888	25.162.975.508	18.468.133.916	277.572.543.312
Tăng trong kỳ	16.459.516.574	674.968.518	3.480.645.885	20.615.130.977
Phân bổ trong kỳ	(28.895.385.154)	(1.242.918.174)	(2.491.646.263)	(32.629.949.591)
Thanh lý	(99.114.772)	-	(886.148)	(100.000.920)
Biến động khác	(4.874.677)	-	-	(4.874.677)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>221.401.575.859</b>	<b>24.595.025.852</b>	<b>19.456.247.390</b>	<b>265.452.849.101</b>



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận chưa thực hiện	5.076.691.051	5.128.833.138

**20. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	62.127.933.421	64.258.031.654
Công ty TNHH EI Corporation	34.245.230.920	61.420.096.770
PTT International Trading PTE Ltd	14.033.026.605	83.110.079.484
Các nhà cung cấp khác	29.996.319.829	37.229.279.328
	<b>140.402.510.775</b>	<b>246.017.487.236</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	2.187.729.829	536.403.215

Khoản phải trả người bán đối với các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020		Số phát sinh trong kỳ VND		Số bù trừ/đã nộp trong kỳ VND		30/6/2020	
	Phải thu VND	Phải trả VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số bù trừ/đã nộp trong kỳ VND	Phải thu VND	Phải trả VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.973.121.261	385.516.852.299	(386.238.643.290)	-	-	2.251.330.270	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	51.518.442.706	(50.790.051.768)	-	-	728.390.938	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.553.233.073	14.699.888.023	(15.920.742.196)	-	-	8.332.378.900	-
Thuế thu nhập cá nhân	(992.320.095)	655.942.447	4.422.051.248	(2.111.503.490)	(135.843.095)	-	2.110.013.205	-
Thuế nhập khẩu	-	1.871.043.206	17.454.030.257	(19.325.073.463)	-	-	-	-
Thuế khác	-	180.873.000	390.362.014	(515.685.767)	-	-	55.549.247	-
	(992.320.095)	15.234.212.987	474.001.626.547	(474.901.699.974)	(135.843.095)	-	13.477.662.560	-



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Lãi vay	454.892.211	566.491.722
Chi phí xây dựng chưa quyết toán	10.982.114.736	9.104.836.347
Trích trước chi phí hoạt động	7.098.680.959	5.971.394.122
	<hr/>	<hr/>
	18.535.687.906	15.642.722.191
	<hr/>	<hr/>

**23. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	2.246.587.564	2.278.159.625
Cổ tức phải trả	324.448.820	4.989.530.693
Hàng hóa mượn sản xuất	5.396.840.164	1.823.493.790
Phải trả ngắn hạn khác	17.583.406.004	5.907.704.881
	<hr/>	<hr/>
	25.551.282.552	14.998.888.989
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

**24. Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2020</b> <b>Giá trị ghi sổ</b> <b>và số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>Biến động trong kỳ</b>		<b>30/6/2020</b> <b>Giá trị ghi sổ</b> <b>và số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>
		<b>Tăng</b> <b>VND</b>	<b>Giảm</b> <b>VND</b>	
Vay ngắn hạn	647.242.964.617	1.002.824.905.850	(1.080.324.331.753)	569.743.538.714
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	318.205.266.435	290.187.624.266
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	105.596.328.187	179.649.420.291
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH (i)	VND	40.598.891.924	74.207.124.571
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (i)	VND	31.694.114.375	16.303.331.928
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	VND	28.959.453.115	67.567.732.730
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	VND	22.912.229.574	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn – bên liên quan (i)	VND	4.000.000.000	10.727.730.831
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM (ii)	VND	17.777.255.104	8.600.000.000
		<b>569.743.538.714</b>	<b>647.242.964.617</b>

- (i) Các khoản vay này là các khoản vay tín chấp.
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bởi một số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 6.190 triệu VND (1/1/2020: 7.165 triệu VND) (Thuyết minh 14).

## 25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>30/6/2019 VND</b>
Số dư đầu kỳ	6.193.682.178	3.901.669.739
Trích lập trong kỳ	13.901.169.900	13.874.339.583
Sử dụng trong kỳ	(16.075.901.629)	(10.932.912.871)
Số dư cuối kỳ	<b>4.018.950.449</b>	<b>6.843.096.451</b>



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2019</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	91.921.802.575	146.786.613.578	11.823.911.928	853.909.008.081
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	73.994.608.410	3.893.936.097	77.888.544.507
Phân bổ vào các quỹ	-	-	11.531.451.174	(11.531.451.174)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	-	(13.526.681.669)	(347.657.914)	(13.874.339.583)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	(120.678.570.000)	(4.910.100.383)	(125.588.670.383)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2019</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	103.453.253.749	75.044.519.145	10.460.089.728	792.334.542.622
<b>Số dư tại ngày 1/1/2020</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	103.453.253.749	148.668.463.452	9.133.259.027	864.631.656.228
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	53.827.844.198	3.965.838.332	57.793.682.530
Phân bổ vào các quỹ	-	-	14.744.350.551	(14.744.350.551)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	-	(13.579.912.672)	(321.257.228)	(13.901.169.900)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	(120.678.570.000)	(1.317.299.732)	(121.995.869.732)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2020</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	118.197.604.300	53.493.474.427	11.460.540.399	786.528.299.126



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**27. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/6/2020 và 1/1/2020</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	60.342.638	603.426.380.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b> Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.392.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**28. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**29. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 5 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền mặt trị giá 120.679 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 120.679 triệu VND).



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Gas giữ hộ bên thứ ba	4.868.432.260	1.493.633.475

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2020</b>		<b>1/1/2020</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	1.641,53	37.938.740	1.673,13	38.666.036
Euro (“EUR”)	159,09	4.008.846	158,09	4.079.671
		<u>41.947.586</u>		<u>42.745.707</u>

**31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.332.211.425.146	1.571.012.227.500
▪ Cung cấp dịch vụ	13.756.386.337	8.679.710.878
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	2.163.063.014	1.220.530.900
▪ Phân bổ tiền ký cược, ký quỹ vỏ bình gas	14.398.740.336	15.119.149.219
	<u>1.362.529.614.833</u>	<u>1.596.031.618.497</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(20.103.552.808)	(11.562.399.900)
▪ Hàng bán bị trả lại	(4.955.655.198)	(5.960.403.957)
	<u>(25.059.208.006)</u>	<u>(17.522.803.857)</u>
Doanh thu thuần	<u>1.337.470.406.827</u>	<u>1.578.508.814.640</u>



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng****kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	1.043.030.539.411	1.246.182.840.952
▪ Cung cấp dịch vụ	11.970.168.338	7.734.257.491
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	1.836.424.927	2.282.793.875
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	2.718.907.032
	<hr/>	<hr/>
	1.056.837.132.676	1.258.918.799.350

**33. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lãi tiền gửi	23.795.773.250	22.185.684.549
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.606.580.238	1.090.079.508
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	50.197.905	262.915.386
Khác	16.955.000	25.851.273
	<hr/>	<hr/>
	25.469.506.393	23.564.530.716

**34. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí lãi vay	18.862.490.234	22.192.871.726
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	680.000.000	(110.000.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.606.238.995	815.240.965
	<hr/>	<hr/>
	21.148.729.229	22.898.112.691



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	29.600.875.262	32.185.073.834
Chi phí khấu hao	1.615.681.824	1.711.898.085
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	28.895.385.154	30.907.683.351
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.006.585.365	50.352.341.488
Chi phí bán hàng khác	49.552.725.714	51.226.144.876
	<hr/>	<hr/>
	159.671.253.319	166.383.141.634
	<hr/>	<hr/>

**36. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	23.297.886.799	24.651.296.947
Chi phí khấu hao	2.893.053.588	2.598.925.421
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(217.250.023)	(88.281.557)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.241.721.925	14.199.479.562
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.500.302.030	15.490.131.046
	<hr/>	<hr/>
	53.715.714.319	56.851.551.419
	<hr/>	<hr/>

**37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	78.526.887.861	83.922.778.720
Chi phí nhân viên	99.330.914.941	96.505.609.004
Chi phí khấu hao	28.670.372.069	29.594.221.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.352.516.369	80.564.589.181
Chi phí khác	91.718.768.943	101.056.933.058
	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	14.599.644.484	19.364.677.440
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	100.243.539	-
	<hr/>	<hr/>
	14.699.888.023	19.364.677.440
	<hr/>	<hr/>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	52.142.087	265.891.289
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	14.752.030.110	19.630.568.729
	<hr/>	<hr/>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	72.545.712.640	97.519.113.236
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	14.509.142.528	19.503.822.647
Chi phí không được khấu trừ thuế	172.583.007	126.746.082
Biến động các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(29.938.964)	-
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	100.243.539	-
	<hr/>	<hr/>
	14.752.030.110	19.630.568.729
	<hr/>	<hr/>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 47.037.887.862 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: 73.994.608.410 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 60.339.285 cổ phiếu (30/6/2019: 60.339.285 cổ phiếu), chi tiết như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	53.827.844.198	73.994.608.410
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	(6.789.956.336)	-
	47.037.887.862	73.994.608.410
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (số cổ phiếu)	60.339.285	60.339.285
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	780	1.226

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty ước tính số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 6.790 triệu VND, căn cứ trên kết quả kinh doanh của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty chưa ước tính số quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2019. Nếu Tổng Công ty điều chỉnh giảm khoản lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 với số tiền bằng 1/2 số quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2018 được phân bổ trong năm 2019 là 6.763.340.835 VND (Thuyết minh 26), thì lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 sẽ giảm đi 112 VND.

**40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b> <b>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b> Phân phối lợi nhuận	63.208.598.000	63.208.598.000



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Giá trị giao dịch**  
**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30/6/2020                      30/6/2019**  
**VND                                      VND**

**Các bên liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam**

**Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế**  
 Bán hàng hóa

27.263.183.200                      29.382.239.300

**Công ty Xăng dầu Phú Thọ**  
 Bán hàng hóa

20.769.058.778                      25.253.549.578

**Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam – Công ty Xăng dầu Khu vực V**  
 Bán hàng hóa

21.420.782.400                      20.848.360.800

**Công ty Xăng dầu Hà Giang**  
 Bán hàng hóa

15.797.281.944                      16.078.086.008

**Công ty Xăng dầu Quảng Bình**  
 Bán hàng hóa

18.362.237.400                      19.096.686.700

**Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn – Công ty Xăng dầu Hà Bắc**  
 Bán hàng hóa

10.151.370.465                      13.753.405.749

**Công ty Xăng dầu Nghệ An**  
 Bán hàng hóa

14.911.265.878                      17.752.426.143

**Công ty Xăng dầu Quảng Trị**  
 Bán hàng hóa

17.245.217.800                      16.543.773.600

**Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn**

Vay  
 Hoàn trả gốc vay  
 Chi phí lãi vay

8.904.087.625                      17.834.881.968  
 15.631.818.456                      19.334.881.968  
 296.025.370                              185.360.337

**Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam**  
 Bán hàng hóa

250.435.366.349                      296.241.228.772

**Tổng Giám đốc**  
 Lương và thưởng

461.589.041                              469.136.467

**Các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc**  
 Lương và thưởng

1.571.533.151                              1.597.229.234

**Hội đồng Quản trị**  
 Thù lao

511.298.630                              519.658.856

**Ban Kiểm soát**  
 Thù lao

548.935.890                              557.911.522



